TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST Ngày 19 - 9 – 2020 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vy Văn Lâm.

Ông Ninh Ngọc Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ma Thị T, sinh năm 1992. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn Ô, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thế Đ, sinh năm 1991. Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ma Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thế Đ có được tìm hiểu yêu thương, có đi đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn anh, chị chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn,

sau đó đến khoảng tháng 12 năm 2019 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do anh Đ ngoại tình người phụ nữ khác. Anh, chị đã sống ly thân từ ngày 01/5/2020 đến nay. Nay, chị xác định không còn tình cảm gì với anh Đ, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Trần Ngọc T L, sinh ngày 20/01/2018. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc T L đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con vì thu nhập của chị đảm bảo để nuôi con. Hiện nay, chị đang sinh sống và làm việc ở Bắc Ninh, có chỗ ở ổn định thôn Ô, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, chỗ ở thuận tiện đi làm và đi học cho con. Công việc chính của chị là nhân viên tuyển dụng tại Công ty Cổ phần dịch vụ và thương mại TMT Vina, tại thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh tháng thu nhập trung bình từ 8.000.000đ trở lên, ngoài ra, chị còn kinh doanh thêm dịch vụ mỹ phẩm, hàng tháng thu nhập trung bình thêm khoảng 7.000.000đ nữa. Do đó, chị có đầy đủ các điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Thế Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ma Thị T đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường, đến khoảng tháng 5 năm 2020 vợ chồng bắt đầu sống ly thân, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống từ những việc nhỏ nhất, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay, chị T xin ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị T có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Trà L, sinh ngày 20/01/2018. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc Trà L đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh làm nghề buôn bán xe máy, lương tháng thu nhập trung bình khoảng 30.000.000đ/tháng tại Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, chỗ ở mới này rất thuận tiện cho việc ăn học của con. Mặc dù, anh và con vẫn ở tại xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhưng sáng anh đi làm, tối về nhà, ban ngày anh vẫn gửi con cho bố mẹ đẻ anh trông giúp, khoảng một thời gian nữa khi ổn định công việc anh sẽ đưa con ra ở tại thôn A, xã S cùng với anh.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ma Thị T và anh Trần Thế Đ.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 giao cháu Trần Ngọc Trà L, sinh ngày 20/01/2018 cho chị Ma Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc Trà L đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Ma Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, về con chung khi ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Trần Thế Đ có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2018, chị Ma Thị T và anh Trần Thế Đ kết hôn, anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Cuộc sống chung của chị T, anh Đ hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó đến tháng 5 năm 2020 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị T và anh Đ đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa chị T, anh Đ không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, anh chị cũng đã tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn nên cần công nhận sự tự nguyện của anh, chị. Vì vậy, Toà án công nhận

sự thuận tình ly hôn của chị Ma Thị T với anh Trần Thế Đ, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Trà L, sinh ngày 20/01/2018, hiện con chung đang ở với anh Đ. Khi ly hôn, cả chị T và anh Đ đều xin được nuôi con, chị T đang làm công việc nhân viên tuyển dụng và sinh sống tại Bắc Ninh, còn anh Đ làm nghề buôn bán xe máy, anh chị đều chứng minh mình đủ các điều kiện và có thu nhập đảm bảo để nuôi con được tốt nhất. Tuy nhiên, cháu Trần Ngọc Trà L hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần buộc anh Đ giao cháu L cho mẹ là chị Ma Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, do chị T đảm bảo các điều kiện để nuôi con, căn cứ theo khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Ma Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh Đ được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ma Thị T với anh Trần Thế Đ.

2. Về con chung: Buộc anh Trần Thế Đ giao cháu Trần Ngọc T L, sinh ngày 20/01/2018 cho chị Ma Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Ma Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0001902, ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Y;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết